

Số: /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng 6 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và áp dụng tại cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Sóc Trăng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 45/TTr-SLĐTBXH ngày 07/6/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và áp dụng tại cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Diễm Ngọc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC  
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ  
ÁP DỤNG TẠI CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**PHẦN I.  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Số trang</b>
<b>I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>		
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	04
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	08
<b>II. Thủ tục hành chính cấp huyện</b>		
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	14
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	18
<b>Tổng số: 04 thủ tục hành chính.</b>		

**PHẦN II.**  
**NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**  
**LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO**  
**ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ ÁP DỤNG TẠI CẤP TỈNH,**  
**CẤP HUYỆN TỈNH SÓC TRĂNG**

**I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

**01. Thủ tục: Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Người lao động có nhu cầu vay vốn từ Quỹ lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sóc Trăng.

**Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

**- Cách thức thực hiện:** Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sóc Trăng.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

+ Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận thông tin về cư trú. Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó 10 ngày và 5 ngày làm việc).

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân (người lao động).

**- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

+ Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

- **Lệ phí** (nếu có): Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* **Yêu cầu:** Dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý.

\* **Điều kiện:** cá nhân có nhu cầu vay vốn đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

+ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc:..... Giới tính: .....

Số CCCD/CMND: .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú<sup>(1)</sup>: .....

Điện thoại: .....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

Người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số..... do Ủy ban nhân dân xã ..... cấp ngày .....

Người dân tộc thiểu số..... đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:.....

.....  
.....

Nơi thực hiện dự án:.....

.....  
.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người.  
trong đó:

- Lao động nữ (nếu có):..... người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có):..... người

Vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

Đề nghị ngân hàng cho vay số tiền: ... ..

(Bằng chữ: .....) )

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay:..... tháng Trả gốc: .....Trả lãi: .....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
PHƯỜNG, THỊ TRẤN .....**

Ông/bà:.....

**Có dự án được thực hiện** tại địa phương.

....., ngày... tháng... năm...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...  
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **02. Thủ tục: Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh**

### **- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nơi thực hiện dự án:

**Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổ chức thẩm định, trình Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt;

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

**- Cách thức thực hiện:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nơi thực hiện dự án.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ:**

(1) Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP:

(2) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; hợp đồng hợp tác; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

(3) Giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, bao gồm:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

. Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số;

. Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số:



Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

. Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số;

. Bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp;

. Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của những người lao động là người dân tộc thiểu số. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số: Giấy xác nhận thông tin về cư trú. Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó 10 ngày và 5 ngày làm việc).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

+ Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

\* **Yêu cầu:** dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý.

\* **Điều kiện:**

+ Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định:

+ Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

+ Có bảo đảm tiền vay: Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

+ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ ÁN VAY VỐN**  
**HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax: ... ..
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:  
Ngày cấp:..... Cơ quan cấp: .....
- Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....
5. Họ và tên người đại diện:..... Chức vụ: .....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: ... ..
- Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
- Quyết định bổ nhiệm số:..... Ngày:..... Do:..... quyết định
- Hoặc giấy ủy quyền số:..... Ngày:..... Do:..... ủy quyền
6. Mã số thuế: ... ..
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:..... đồng

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)
- Năm ..... :
- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng
- Năm ..... :
- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng
2. Tình hình sử dụng lao động
- Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

### III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án: .....

Nơi thực hiện dự án: .....

#### 2. Nội dung dự án

##### a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích): .....

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động): ... ..

.....

##### b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: ... ..

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

##### c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động: ..... người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có):.....người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ..... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

##### d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:..... đồng

- Tổng chi phí:..... đồng

- Lợi nhuận:..... đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng .... Năm .....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:  
 - Vốn tự có:..... đồng  
 Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng  
 (Bằng chữ..... )  
 để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay: ... tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:..... đồng  
 - Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: ..... đồng  
 - Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: ..... đồng  
 - Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: ..... đồng

6. Trả gốc:..... Trả lãi theo:.....

7. Tài sản bảo đảm liên vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
 PHƯỜNG, THỊ TRẤN .....**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

....., ngày... tháng... năm...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
 CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

## II. Thủ tục hành chính cấp huyện

### 01. Thủ tục: Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động

#### - Trình tự thực hiện:

**Bước 1:** Người lao động có nhu cầu vay vốn từ Quỹ lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án:

**Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt;

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

- **Cách thức thực hiện:** Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án.

#### - Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### \* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;

+ Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện:** Cá nhân (người lao động).

#### - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

\* **Yêu cầu:** dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

\* **Điều kiện:** cá nhân có nhu cầu vay vốn đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

+ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên:.....Ngày, tháng, năm sinh:.../.../ .....

Dân tộc:..... Giới tính: .....

Số CCCD/CMND: .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú<sup>(1)</sup>: .....

Điện thoại: .....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

Người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số..... do Ủy ban nhân dân xã ..... cấp ngày .....

Người dân tộc thiểu số..... đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:.....

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:.....

.....

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người trong đó:

- Lao động nữ (nếu có):..... người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

Vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

Đề nghị ngân hàng cho vay số tiền: ... ..

(Bằng chữ: .....) )

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:



STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay:..... tháng Trả gốc: .....Trả lãi: .....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
PHƯỜNG, THỊ TRẤN .....**

Ông/bà:.....

**Có dự án được thực hiện** tại địa phương.

....., ngày... tháng... năm...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...  
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **02. Thủ tục: Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh**

### **- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án:

**Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt;

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

**- Cách thức thực hiện:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ trực tiếp lại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ:**

(1) Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP:

(2) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; hợp đồng hợp tác; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

(3) Giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, bao gồm:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

. Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số;

. Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách:

. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số:

Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số;

. Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số,

. Bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp;

. Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của những người lao động là người dân tộc thiểu số. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số: Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

\* **Yêu cầu:** Dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

\* **Điều kiện:**

+ Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định:

+ Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

+ Có bảo đảm tiền vay: Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

+ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công./.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ ÁN VAY VỐN**  
**HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:  
Ngày cấp:..... Cơ quan cấp: .....
- Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....
5. Họ và tên người đại diện:..... Chức vụ: .....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
- Quyết định bổ nhiệm số:..... Ngày:..... Do:..... quyết định
- Hoặc giấy ủy quyền số:..... Ngày:..... Do:..... ủy quyền
6. Mã số thuế: .....
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:..... đồng

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)
- Năm ..... :
- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng
- Năm ..... :
- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng
2. Tình hình sử dụng lao động
- Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

### III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án: .....

Nơi thực hiện dự án: .....

#### 2. Nội dung dự án

##### a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích): .....

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động): ... ..

.....

##### b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: ... ..

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

##### c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động: ..... người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có):.....người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ..... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có):..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có):..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

##### d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:..... đồng

- Tổng chi phí:..... đồng

- Lợi nhuận:..... đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng .... Năm .....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:  
 - Vốn tự có:..... đồng  
 Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng  
 (Bằng chữ..... )  
 để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay: ... tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:..... đồng  
 - Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: ..... đồng  
 - Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: ..... đồng  
 - Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: ..... đồng

6. Trả gốc:..... Trả lãi theo:.....

7. Tài sản bảo đảm liên vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VÈ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
 PHƯỜNG, THỊ TRẤN .....**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

....., ngày... tháng... năm...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
 CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)